**TUẦN 20 CHỦ ĐỀ 8: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA**

**Bài 41: NHÂN, CHIA VỚI 10, 100, 1000, … (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Thực hiện được phép nhân với 10, 100, 1000, … và phép chia cho 10, 100, 1000, …

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. NHÂN, CHIA VỚI 10, 100, 1000, …**

***Ngày dạy: 22/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - Cho học sinh chơi trò chơi: “Ai nhanh nhất”  + Qua trò chơi các em có nhận xét gì về các phép tính vừa rồi?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Khi chúng ta tính các phép nhân hoặc chia cho 10, 100, 1000, …. Làm thế nào để nhẩm tính được kết quả nhanh nhất. Cô cùng các em tìm hiểu bài ngày hôm nay: Nhân, chia với 10, 100, 1000,… | - HS tham gia trò chơi  + 2 x 10 = ?  + 3 x 10 = ?  + 100 x 6 = ?  + 40 : 10 = ?  + Đó là các phép tình nhân với 10, 100, chia cho 10… |
| **2. Khám phá** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 6:  - Yêu cầu các nhóm quan sát vào hình vẽ và trả lời các câu hỏi:  + Hãy đọc câu nói của bạn Nam.  + Bạn Việt băn khoăn điều gì ?  + Bạn Mai đã đưa ra cách tính như thế nào ?  + Bạn Rô – bốt đã bật mí điều gì ?  - Các nhóm giúp bạn Rô – bốt tìm ra kết quả bằng cách đọc phần đóng khung màu xanh phần a để tìm kết quả.  - Gọi các nhóm lên chia sẻ cách tìm  + Vậy khi nhân với 10 bạn làm thế nào?  + Khi chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn … cho 10 ta làm thế nào?  - Tương tự như vậy yêu cầu HS đọc tiếp phần đóng khung màu xanh phần b để tìm kết quả khi nhân một số với 100, chia cho 100  \* GV tiểu kết chốt kiến thức:  + Muốn nhân một số với 10, 100, 1000, … ta làm thế nào ?  + Muốn chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn …cho 10, 100, 1000, … ta làm thế nào ?  - GV đưa ra kết luận lên màn hình như trong SGK  - Cho HS lấy ví dụ và tìm kết quả | - Làm việc theo nhóm 6  - Thực hiện  + Có 10 dây cờ, mỗi dây cờ có 36 lá cờ  + Có tất cả bao nhiêu lá cờ nhỉ ?  + Lấy 36 x 10  + Tớ có thể nhẩm ngay được kết quả đấy  - Thực hiện  + Chia sẻ cách làm  36 x 10 = 10 x 36.  Nhẩm 1 chục x 36 = 36 chục = 360  Vậy 36 x 10 = 360  + Giữ nguyên số đó và viết thêm vào bên phải của số đó 1 chữ số 0  Ngược lại từ: 36 x 10 = 360  Ta có: 360 : 10 = 36  + Ta bỏ bớt đi ở bên phải của số đó 1 chữ số 0  - HS thực hiện tương tự  + Ta chỉ việc viết thêm vào bên phải của số đó 1, 2, 3 chữ số 0  + Ta chỉ việc xóa đi ở bên phải của số đó 1, 2, 3 chữ số 0  - Nhiều HS nhắc lại  - Lấy ví dụ  68 x 10 = 680  990 000 : 1000 = 990 |
| **3. Luyện tập, thực hành** | |
| \* GV giao nhiệm vụ:  - Bài 1, 2 : Cá nhân vào vở  - Bài 3: Cặp đôi vào vở  **\* Bài 1**: Tính nhẩm  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  + Bài tập yêu cầu gì?  **-** Yêu cầu HS làm bài vào vở  + Nêu cách tìm kết quả các phép tính khi nhân với 10, 100 ...?  - GV tiểu kết, chốt kiến thức  **\* Bài 2**:  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết Rô- bốt đã chạy bao nhiêu mét ta làm thế nào ?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở và chia sẻ trước lớp.  + Qua bài tập số 2 ta đã áp dụng phép tính nhân với bao nhiêu?  - GV củng cố lại kiến thức nhân với 10,..  **\* Bài 3**: Quan sát tranh rồi trả lời câu hỏi  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài toán cho biết gì ?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết hội trường có tất cả bao nhiêu chỗ ngồi ta cần tính gì ?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp  - Ngoài cách tính trên còn có các cách tính nào khác?  - Khuyến khích HS giải bài toán bằng nhiều cách  - GV tiểu kết củng cố kiến thức nhân một số với 10, 100, 1000, … | - Đọc  + Tính nhẩm  - Làm vở và nêu kết quả  14 x 10 = 140 1348 x 100 = 134 800  18 390 : 10 = 1839 328 000 : 1000 = 328  5629 x 1000 = 5 629 000  378 000 : 1000 = 378  + Nêu.      - Đọc  + Rô- bốt chạy 10 vòng quanh sân vận động. Biết mỗi vòng quanh sân dài 375 m.  + Rô- bốt đã chạy bao nhiêu mét?  + Lấy 375 x `10  - Làm vở  Bài giải  Rô – bốt đã chạy được số mét là :  375 x `10 = 3750 ( m )  Đáp số : 3750 m  + Nhân với 10  - Đọc  + Mỗi bên có 10 hàng ghế , mỗi hàng ghế có 8 chỗ ngồi  + Hội trường có tất cả bao nhiêu chỗ ngồi ?  + Mỗi bên có bao nhiêu chỗ ngồi.  - Làm bài vào vở  - Chia sẻ  Bài giải  Một bên có số chỗ ngồi là:  8 x 10 = 80 ( chỗ )  Hội trường có tất cả số chỗ ngồi là:  80 x 2 = 160 ( chỗ )  Đáp số: 160 (chỗ)  - Nêu các cách tính khác  8 x 10 x 2 = 160 (chỗ)….  - Giải bằng các cách khác nhau |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết cách tính giá trị của biểu thức để thực hiện tìm kết quả một cách nhanh nhất.  - Ví dụ: Tính nhẩm  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  45 x 1000 = 45 000 …. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  ....................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | |

------------------------------------------------

**TIẾT 2. Bài 41: LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy: 23/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - Cho học sinh chơi trò chơi: “Ai nhanh nhất”  + Qua trò chơi các em đã nắm được kiến thức gì ?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Để áp dụng cách nhân một số với 10, 100, 1000,… chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000,…. Cô cùng các em tìm hiểu bài ngày hôm nay: Luyện tập | - HS tham gia trò chơi  + Nêu kết quả của các phép tính  16 x 10 2800 : 100  87 x 10000 96000: 1000  + Cách nhân một số với 10, 100, 1000,… chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000,… |
| **2. Luyện tập:** | |
| - GV giao nhiệm vụ:  - Bài 1: Cá nhân ( miệng )  - Bài 2, 3: Cặp đôi vào vở  - Bài 4, 5: Nhóm vào vở  **\* Bài 1**: Số?  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài tập yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS làm bài miệng nêu kết quả và giải thích cách tìm  + Muốn tìm số chia ta làm thế nào?  + Muốn chia một số tròn chục, tròn trăm tròn nghìn,… cho 10, 100, 1000,…ta làm thế nào ?  **\* Bài 2**: Số ?  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài tập yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trình bày trước lớp.  + Muốn đổi từ đơn vị đo khối lượng bé hơn sang đơn vị lớn hơn ta làm thế nào?  \* Củng cố cho HS cách đổi các đơn vị đo khối lượng và chia các số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn… cho 10, 100, 1000, …  **\* Bài 3:** Tính bằng cách thuận tiện nhất  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài tập yêu cầu gì?  + Muốn tính bằng cách thuận tiện nhất ta phải sử dụng các tính chất nào?  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và làm bài vào vở  \* GV tiểu kết chốt kiến thức củng cố về tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân và lưu ý cho HS khi sử dụng tính chất kết hợp phải có dấu ngoặc đơn.  **\* Bài 4**.  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết đoàn tàu chở tất cả bao nhiêu tấn hàng ta cần tìm gì?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp  \* GV chú ý cho HS là tính từ toa 16  (phải cộng thêm 1). Cho HS đếm từ 16 đến 25  + Khi nhân một số với 10, 100, 1000,… ta làm như thế nào ?  **\* Bài 5**  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết đoạn đường đó có bao nhiêu cột đèn ta cần tìm gì?  \* Chú ý: Tính từ một đầu đường cứ 10m ta gọi là một khoảng cách.  + Trường hợp đặt cột đèn ở cả hai đầu đường thì số cột đèn hơn số khoảng cách là 1 đơn vị  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp  + Khi chia một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,… cho 10, 100, 1000,… ta làm như thế nào ? | - Đọc  + Số  - Làm miệng   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 320 | 4500 | 57000 | 4720 | | Số chia | 10 | 100 | 57 | 472 | | Thương | 32 | 45 | 1000 | 10 |   + Lấy số bị chia chia cho thương  + Nêu.  - Đọc  + Số  - Thảo luận và trình bày, giải thích  a. 500 kg = 5 tạ b. 80 kg = 8 yến  400 yến = 40 tạ 200 kg = 2 tạ  8000 kg = 8 tấn 5000 kg = 5 tấn  + Trước tiên cần xem mối quan hệ giữa các đơn vị cần đổi  Ví dụ: 1 tạ = 100 kg. Đổi 500kg = ? tạ ta lấy 500 : 100 = 5…  - Đọc  + Tính bằng cách thuận tiện nhất  + Tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân  - Thảo luận cặp đôi làm bài vào vở và chia sẻ trước lớp  a. 2136 x 5 x 2 = 2136 x ( 5 x 2 )  = 2136 x 10 = 21 360  b. 5 x 2 x 33 613 = ( 5 x 2 ) x 33 613  = 10 x 33 613 = 336 130  c. 2 x 292 x 5 = ( 2 x 5 ) x 292  = 10 x 292 = 2 920  d. 5 x 3598 x 2 = ( 5 x 2 ) x 3598  = 10 x 3598 = 35 980  - Chú ý.  - Đọc  + Đoàn tàu có: 25 toa. Sử dụng từ toa 16 đến toa 25 để chở hàng. Mỗi toa chở 12 tấn hàng  + Đoàn tàu chở tất cả bao nhiêu tấn hàng.  + Tìm số toa dùng để chở hàng là bao nhiêu toa  - Làm vở và chia sẻ trước lớp  Bài giải  Số toa tàu được dùng để chở hàng là:  25 – 16 + 1 = 10 ( toa )  Đoàn tàu chở số tấn hàng là :  12 x 10 = 120 ( tấn )  Đáp số : 120 tấn  - Chú ý.  + Viết vào bên phải của số đó 1, 2, 3, … chữ số 0  - Đọc  + Đoạn đường dài: 500m, cứ 10m có một cột đèn. Cả hai đầu đoạn đường đều có cột đèn.  + Đoạn đường đó có bao nhiêu cột đèn?  + Tìm số các khoảng 10m gồm bao nhiêu khoảng.  - Chú ý  - Làm vở và chia sẻ trước lớp  Bài giải  Trên đoạn đường 500m số khoảng cách là:  500 : 10 = 50 ( khoảng cách )  Số cột đèn trên đoạn đường đó là :  50 + 1 = 51 ( cột )  Đáp số : 51 cột đèn  + Nêu |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thực hiện được phép nhân với 10, 100, 1000, …và phép chia cho 10, 100, 1000, … thực hiện tìm kết quả một cách nhanh nhất.  - Ví dụ: Tính: 25 x 10 = ?...  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  25 x 10 = 250… |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | |

------------------------------------------------

**CHỦ ĐỀ 8: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA**

**Bài 42: TÍNH CHẤT PHÂN PHỐI CỦA PHÉP NHÂN ĐỐI VỚI PHÉP CỘNG (3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết được tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng. Vận dụng được tính chất đó trong tính giá trị của biểu thức và các bài tập, bài toán thực tế liên quan.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. TÍNH CHẤT PHÂN PHỐI CỦA PHÉP NHÂN ĐỐI VỚI PHÉP CỘNG**

***Ngày dạy: 24/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - Cho học sinh chơi trò chơi: “Ai nhanh nhất”  + Qua trò chơi các em được ôn tập về kiến thức gì?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài: Khi tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc, có các phép tính cộng, trừ nhân, chia có các cách nào để thực hiện. Cô cùng các em tìm hiểu bài ngày hôm nay: Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng *( Tiết 1 )* | - HS tham gia trò chơi  + Tính giá trị của biểu thức:  (2 + 3) x 5 = 25 4 x 2 + 4 x 6 = 32  + Cách tính giá trị của biểu thức |
| **2. Khám phá** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 6:  - Yêu cầu HS đọc bài toán trả lời câu hỏi:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết đội đồng diễn đó có tất cả bao nhiêu người ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS giải bài toán theo hai cách giải của bạn Việt và Mai sau đó so sánh kết quả hai cách giải đó.  + So sánh cách tính của hai bạn?  - GV chốt kiến thức  - GV nêu: Tích 15 x 3 tích thứ nhất của số đó với số hạng thứ nhất của tổng. Tích thứ hai 15 x 2 là tích của số đó với số hạng thứ hai của tổng.  *(Đây chính là tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng)- Đó cũng chính là lời của bạn Rô – bốt và áp dụng tính chất này để thực hiện tính các giá trị của biểu thức một cách nhanh nhất, thuận tiện nhất.*  \* Yêu cầu HS làm tương tự khi nhân một tổng với một số  - YC HS nêu tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng  - Lấy ví dụ minh hoạ | - Làm việc theo nhóm 6  - Thực hiện  + Một đội đồng diễn có 3 hàng mặc áo đỏ và 2 hàng mặc áo vàng mỗi hàng đều có 15 người  + Đội đồng diễn đó có tất cả bao nhiêu người?  + HS đưa ra các cách tìm khác nhau như của bạn Việt và Mai trong sách giáo khoa trang 17.  - Làm việc theo nhóm  \* Bạn Việt tính:  Đội đồng diễn đó có tất cả số người là:  15 x ( 3 + 2 ) = 75 ( người )  \* Bạn Mai tính:  Đội đồng diễn đó có tất cả số người là:  15 x 3 + 15 x 2 = 75 ( người )  + 15 x ( 3 + 2 ) = 15 x 3 + 15 x 2  - Chú ý .  - HS nêu |
| **3. Luyện tập, thực hành** | |
| \* GV giao nhiệm vụ:  - Bài 1: Cá nhân vào vở  - Bài 2, 3: Cặp đôi vào vở  **\* Bài 1**:Tính bằng hai cách (theo mẫu)  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  + Bài tập yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS đọc biểu thức mẫu và nêu cách làm như SGK  **-** Yêu cầu HS làm bài vào vở  - GV tiểu kết, chốt kiến thức  **\* Bài 2**:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  + Bài tập yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và làm bài vào vở  - Cho HS chia sẻ trước lớp  \* GV khắc sâu cho HS tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.  **\* Bài 3**.  - Gọi HS đọc đề bài  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết cả hai khối lớp có bao nhiêu bạn học vẽ ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở và chia sẻ trước lớp.  + Ngoài cách giải trên còn có cách nào khác.  - Khuyến khích HS cách giải ngắn ngọn nhất.  - GV củng cố lại kiến thức tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng. | - Đọc  + Tính bằng hai cách (theo mẫu)  - Đọc, nêu cách làm  - Làm vở và chia sẻ trước lớp  a. 43 x ( 2 + 6 )  Cách 1: 43 x ( 2 + 6 ) = 43 x 8 = 344  Cách 2: 43 x ( 2 + 6 ) = 43 x 2 + 43 x 6  = 86 + 258  = 344  b. ( 15 + 21 ) x 7  Cách 1: ( 15 + 21 ) x 7 = 36 x 7 = 252  Cách 2: ( 15 + 21 ) x 7 = 15 x 7 + 21 x 7  = 105 + 147  = 252  - Đọc  a. Tính giá trị của biểu thức với m = 4, n = 5,  p = 3  b. Hai biểu thức nào ở câu a có giá trị bằng nhau.  - Thảo luận, làm bài và chia sẻ  a. Tính giá trị của biểu thức với m = 4, n = 5,  p = 3  + Với m = 4, n = 5, p = 3 thì :  m x ( n + p ) = 4 x ( 5 + 3 ) = 4 x 8 = 32  + Với m = 4, n = 5, p = 3 thì :  ( m + n ) x p = ( 4 + 5 ) x 3 = 9 x 3 = 27  + Với m = 4, n = 5, p = 3 thì :  m x n + m x p = 4 x 5 + 4 x 3 = 20 + 12 = 32  + Với m = 4, n = 5, p = 3 thì :  m x p + n x p = 4 x 3 + 5 x 3 = 12 + 15 = 27  b. Hai biểu thức ở câu a có giá trị bằng nhau là:  m x ( n + p ) = m x n + m x p  ( m + n ) x p = m x p + n x p  - Đọc  + Khối lớp Bốn có 2 lớp học vẽ, khối lớp Ba có 3 lớp học vẽ, mỗi lớp học vẽ có 12 bạn.  - HS đọc đề bài  + HS chia sẻ  + Cả hai khối lớp có bao nhiêu bạn học vẽ ?  + Nêu các cách làm, làm vở  Bài giải  Cả hai khối lớp có số bạn học vẽ là :  12 x ( 2 + 3 ) = 60 (bạn)  Đáp số: 60 bạn  + Tính số học sinh học vẽ ở khối Bốn, số học sinh học vẽ ở khối Ba, sau đó cộng số HS học vẽ của cả hai khối |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết cách tính giá trị của biểu thức để thực hiện tìm kết quả một cách nhanh nhất bằng cách áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng  - Ví dụ: Tính nhanh  67 x 7 + 67 x 93 = ?  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  67 x 7 + 67 x 93 = 67 x ( 7 + 93 ) = 67 x 100  = 6700 |

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy: 25/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Khi nhân một số với một tổng ta làm thế nào?  + Câu 2: Khi nhân một tổng với một số ta làm thế nào?  + Câu 3: Tính 4 x (6 + 7)  + Câu 4: Tính (7+8) x 6  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Khi nhân một số với một tổng ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả với nhau.  ax (b + c) = axb + axc  + Khi nhân một tổng với một số, ta có thể nhân từng số hạng của tổng với số đó rồi cộng các kết quả với nhau. (a + b)xc = axc + bxc  +4 x (6 + 7) = 4 x 13 =52  + (7+8) x 6 = 15 x 6= 90  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành**  **Bài 1**. **Tính bằng hai cách (theo mẫu**) (Nhóm2)  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng và kết hợp bảng con:  Mẫu: 34 x 8 + 34 x2  \*Cách 1:  34 x 8 + 34 x2= 272 +68 = 340  \*Cách 2:  34 x 8 + 34 x2= 34 x(8 +2)=34 x 10 =340  \* Cách 2 tính thuận tiện hơn.  a) 61 x 4 + 61 x5  b)135 x 6 + 135 x 2  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2:** (Làm việc cá nhân)  **Tính bằng cách thuận tiện.**  **a.67 x 3 + 67 x 7**  **b.45 x 6 + 45 x 4**  **c.27 x 6 + 73 x 6**  - GV gọi HS nêu cách tính nhanh và kết quả  - GV cho học sinh nêu miệng nối tiếp và ghi vào vở.  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3:** **Tính (theo mẫu).**  Mẫu: 26 x 4 + 26 x 3 + 26 x 2  26 x 4 + 26x 3 + 26 x 2 = 26 x (4 + 3 + 2)  = 26 x 9  = 234.  (Làm phiếu nhóm 2 và vở)  321 x 3 + 321 x 5 + 321 x 2  \* GVnhận xét tuyên dương, chốt lại cách tình một số nhân 1 tổng.  **Bài 4/trang19- Hs làm nhóm 4**  **Người ta chuyển hàng để giúp đỡ đồng bào vùng lũ lụt. Đợt một chuyển được 3 chuyến, mỗi chuyến có 44 thùng hàng. Đợt hai chuyển được 3 chuyến, mỗi chuyến có 56 thùng hàng. Hỏi cả hai đợt đã chuyển được bao nhiêu thùng hàng?**  - GV cho học sinh đọc đề khai thác tóm tắt đề nêu các bước giải, làm phiếu nhóm và vở.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu miệng cách làm bài mẫu  - HS lần lượt làm phiếu nhóm mỗi người 1 cách, kết hợp đọc miệng so sánh kết quả:  \* a) 61 x4 + 61 x 5  -Cách 1:  61 x 4 + 61 x 5= 244 x 305 = 549  -Cách 2:  61 x4 + 61 x5= 61 x( 4+5)= 61 x 9 =549  \* b)135 x 6 + 135 x 2  -Cách 1:  135 x 6 + 135 x 2= 810 +270= 1080  -Cách 2:  135 x 6 + 135 x 2= 135 x (6+2)= 135 x 8 = 1080  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nối tiếp nêu cách tính nhanh và kết quả  - Học sinh thảo luận theo bàn và nối tếp nêu cách làm và ghi vở  a. 67 x 3 + 67 x 7= 67x (3 + 7)= 67 x10= 670  b. 45 x 6 + 45 x 4= 45x (6+4)= 45 x10= 450  c.27 x 6 + 73 x 6= (27+73) x 6= 100x 6 = 600  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - Các nhóm trình bày.  + Ta chuyển thành một số nhân 1 tổng  - Các nhóm khác nhận xét, thực hiện giải bài toán vào phiếu nhóm và vở.  321 x 3 + 321 x 5 + 321 x 2  = 321x (3+5+2)= 321 x 10 = 3 210  2 Học sinh đại diện trình bày bảng lớp hay phiếu nhóm (mỗi bạn trình bày 1 cách), lớp làm vở, đổi vở soát nêu NX.  - Tóm tắt đề nêu các bước tính đợt 1 và đợt 2, rồi tính tổng hai đợt.  Bài giải  Cách 1:  Đợt một chuyển được số hàng là :  44 x3 = 132 (thùng)  Đợt một chuyển được số hàng là:  56 x 3 = 168 (thùng)  Cả hai đợt chuyển được số hàng là: 132+168 = 300 (thùng)  Đáp số : 300 thùng  Cách 2  Tính xem mỗi chuyến chuyển được bao nhiêu thùng, rồi tính 3 chuyển chuyển được bao nhiêu  Mỗi chuyến hai đợt chuyển được số thùng hàng là:  44+56 = 100 (thùng)  Ba chuyến hai đợt chuyển được số thùng hàng là  100x 3= 300 (thùng)  Đáp số : 300 thùng  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,... sau bài học để học sinh nhận biết tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 3. LUYỆN TẬP**

***Ngày dạy: 26/01/2024***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Khởi động: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Khi nhân một số với một tổng ta làm thế nào?  + Câu 2: Khi nhân một tổng với một số ta làm thế nào?  + Câu 3: Tính 45 x (3 + 7)  + Câu 4: Tính (8+2) x 69  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  (8- 6) x 69 ta có thể thực hiện như thế nào | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Khi nhân một số với một tổng ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả với nhau.  ax(b + c) = axb + axc  +Khi nhân một tổng với một số, ta có thể nhân từng số hạng của tổng với số đó rồi cộng các kết quả với nhau. (a + b)xc = axc + bxc  +45 x (3 + 7) = 45 x 10 =450  + (8+2) x 69 = 10 x 69= 690  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành.**  **Bài 1**. **Tính rồi so sánh giá trị của hai biểu thức (theo mẫu)?** (Làm việc nhóm 2)  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng và kết hợp bảng con:  Mẫu: 4 x(6-2) Và 4 x 6 - 4 x 2  4 x (6-2) = 4 x 4 4 x 6 - 4 x 2  = 16. = 24-8  =16.  Ta có: 4 x (6 - 2) = 4 x 6 - 4 x 2.  a. 23 x (7 - 4) và 23 x 7 - 23 x 4  b. (8-3) x 9 và 8 x 9 - 3 x 9  - GV nhận xét, tuyên dương.  \*GV cho học sinh nêu lại cách tính một số nhân với một hiệu.  **Bài 2**: (Làm việc cá nhân)  Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu).   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | A | b | c | a x (b - c) | ax b - a x c | | 5 | 9 | 2 | 5 x (9 - 2) = 35 | 5x9-5x2 = 35 | | 8 | 7 | 3 | ? | ? | | 14 | 10 | 5 | ? | ? |   - GV gọi HS nêu cách tính và kết quả  - GV cho học sinh nêu miệng nối tiếp và ghi vào vở.  b) >; <; = ?  ax (b-c) ? axb-axc  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV củng cố công thức tính một số nhân một hiệu, Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3:** **Tính bằng cách thuận tiện** (Làm phiếu nhóm 2 và vở)  a) 48 x 9-48 x 8  b) 156 x 7- 156 x 2  \* GVnhận xét tuyên dương,chốt lại cách tình một số nhân 1 hiệu.  **Bài 4/trang19**- Hs làm cá nhân,1 Hs làm phiếu nhóm hay bảng lớp  **Một cửa hàng có 9 tấm vải hoa, mỗi tấm dài 36 m. Cửa hàng đã bán được 5 tấm vải hoa như vậy. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu mét vải hoa?**  - GV cho học sinh đọc đề khai thác tóm tắt đề nêu các bước giải, làm phiếu nhóm và vở.  - Mời HS khác nhận xét  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu miệng cách làm bài mẫu  Hs nhận ra và nêu được một số nhân với một hiệu: Ta lấy số đó nhân với số bị trừ, và lấy số đó nhân với số trừ rồi trừ hai kết quả cho nhau.  - HS lần lượt làm phiếu nhóm mỗi người 1 cách, kết hợp đọc miệng so sánh kết quả:  \* a. 23 x (7 - 4) và 23 x 7 - 23 x 4  a. 23 x (7 - 4) = 23 x 3 = 69  a. 23 x 7 - 23 x 4= 161 - 92= 69  Vậy: a. 23 x (7 - 4) = 23 x 7 - 23 x 4  \* b.(8-3) x 9 và 8 x 9 - 3 x 9  b.(8-3) x 9 = 5 x9 =45  b.8 x 9 - 3 x 9= 72 - 27 = 45  Vậy b.(8-3) x 9 = 8 x 9 - 3 x 9  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 2 HS nêu cách tính và kết quả nối tiếp  - Học sinh làm và ghi vở   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | a x (b - c) | ax b - a x c | | 5 | 9 | 2 | 5 x (9 - 2) = 35 | 5x9-5x2 = 35 | | 8 | 7 | 3 | 8 x (7 - 3) = 32 | 8x7-8x3 = 32 | | 14 | 10 | 5 | 14 x (10 - 5) = 70 | 14x10 -14 x 5 = 70 |   b) >; <; = ?  ax (b-c) = axb-axc  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Học sinh nối tiếp nêu lại công thức  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - Các nhóm trình bày.  + Ta chuyển thành một số nhân 1 hiệu và tìm kết quả  - Các nhóm khác nhận xét, thực hiện giải bài toán vào phiếu nhóm và vở.  a)48 x 9-48 x 8 = 48 x (9-8)= 48 x1=48  b) 156 x 7- 156 x 2=156 x(7-2)= 156 x5= 780  2 Học sinh đại diện trình bày bảng lớp hay phiếu nhóm (mỗi bạn trình bày 1 biểu thức), lớp làm vở, đổi vở soát nêu nhận xét  Tóm tắt đề nêu các bước tính tấm vải còn lại và tính số m vải còn lại.  Bài giải  Cách 1:  Cửa hàng còn lại số tấm vải là :  9-5 = 4 (tấm)  Đợt một chuyển được số hàng là:  56 x 3 = 168 (thùng)  Cửa hàng còn lại số m vải là:  36x4 = 144 (m)  Đáp số : 144m  Cách 2  Lập thành biểu thức một số nhân một hiệu rồi tính  Cửa hàng còn lại số m vải là:  36 x (9 -5)= 144 (m)  Đáp số : 144m  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết tính chất một số nhân với một hiệu.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | |